

Bản án số: 29/2024/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mến và Ông: Quách Đình Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc: Tranh chấp ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/11/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị M**, sinh năm 1993 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Mường P, xã Thông Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1986 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm D, xã N, huyện V, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị M trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn M có tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 2009 từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh M thường xuyên say rượu hành hạ tôi về thể chất lẫn tinh thần, đến năm 2020 do mâu thuẫn trầm trọng tôi không còn chung sống cùng anh M nữa, do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Lương H, sinh ngày 07/8/2011, hiện nay đang sinh sống cùng anh M, sau khi ly hôn tôi để cháu H tiếp tục sinh sống cùng anh M, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Lương Thị M chung sống với nhau từ năm 2009 hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống chúng tôi do không hợp nhau nên có cãi vã nhau, do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra thường xuyên từ năm 2020 chúng tôi không còn chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, nay chị Lương Thị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và chị M, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Lương H, sinh ngày 07/8/2011, hiện nay đang sinh sống cùng tôi, sau khi ly hôn tôi yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu chị Lương Thị M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/12/2024 chị Lương Thị M giữ nguyên yêu cầu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Nguyễn Văn M được triệu tập hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử (HDXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị M; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M; Về con chung: Giao con Nguyễn Lương H, sinh ngày 07/8/2011 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên, chị Lương Thị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí chị Lương Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng*: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn là anh Nguyễn Văn M hiện đang cư trú tại xóm D, xã N, huyện V, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Lương Thị M do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung*: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 không đăng ký kết hôn, hai bên có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do anh M thường xuyên say rượu hành hạ chị M về thể chất lẫn tinh thần, do mâu thuẫn trầm trọng anh chị không còn chung sống cùng nhau, do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn M.

Đối với anh Nguyễn Văn M: Xác nhận anh và chị Lương Thị M chung sống với nhau từ năm 2009 hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do không hợp nhau nên có cãi vã nhau, do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng từ năm 2020 anh chị không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai, nay chị Lương Thị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hòa Bình và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An thì chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M không có đăng ký kết hôn. Như vậy chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M cưới nhau làm vợ chồng sau năm 2009 nhưng đến nay

không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên anh chị không phải là vợ chồng hợp pháp.

HĐXX nhận thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy yêu cầu của chị Lương Thị M là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn M.

- *Về con chung*: Xác nhận anh chị có 01 con chung cháu Nguyễn Lương H, sinh ngày 07/8/2011 hiện đang sinh sống cùng anh M, anh M đề nghị sau khi ly hôn, anh được trực tiếp nuôi con chị M đồng ý, cháu H có ý kiến bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sinh sống cùng anh M, chị Lương Thị M và anh M thỏa thuận hàng tháng chị M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện không trái pháp luật, nên ghi nhận thỏa thuận trên của các bên, cho đến khi các bên có yêu cầu mới, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Lương Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M.

2. *Về con chung*: Xác nhận vợ chồng có 01 con chung. Giao cháu Nguyễn Lương H, sinh ngày 07/8/2011 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lương Thị M phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu*) đến khi cháu H đủ 18 tuổi; chị Lương Thị M có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Khi có thay đổi chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn M, có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có.

4. *Án phí*: Chị Lương Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, chị M được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0003268 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình và phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã nơi DS cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự